TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 27-7-2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Hương.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông;

Ông Đoàn Hoài Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 về việc "ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 47/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Châu Đình Ph, sinh năm 1972; địa chỉ: số 829/6, tỉnh lộ 43, khu phố 5, phường T, thành phố T, Thành phố H, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1973; địa chỉ: C56 khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Bà Nguyễn Thị Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Châu Đình Ph trình bày:

Ông Châu Đình Ph và Bà Nguyễn Thị Kim H tự nguyện tìm hiểu, tiến đến quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố T, Thành phố H vào năm 2015. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung; vợ chồng đã không sống cùng với nhau từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Ông Châu Đình Ph yêu cầu được ly hôn với Bà

Nguyễn Thị Kim H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa Ông Châu Đình Ph và Bà Nguyễn Thị Kim H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Ông Ph cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 là không đúng, thời điểm này Bà H và Ông Ph vẫn yêu thương nhau. Vào tháng 5 năm 2022, Bà H và Ông Ph giận nhau nên Ông Ph đã tự bỏ về nhà bên thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương sống và thay ổ khoá không cho Bà H vào nhà. Khi Ông Ph về Dĩ An sinh sống, Bà H có nghe hàng xóm cho biết Ông Ph có dẫn người phụ nữ khác về nhà ở. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Bà H có theo dõi Ông Ph thì biết Ông Ph có quan hệ với người phụ nữ khác và Bà H đã trực tiếp nói chuyện thì được người phụ nữ này cho biết là Ông Ph xác định đã ly hôn với vợ bằng việc lấy quyết định ly hôn của vợ trước của Ông Ph đưa cho người phụ nữ này xem.

Trước khi đi tới hôn nhân với Bà H, Ông Ph đã có 03 người vợ, Bà H là người vợ thứ 4 của Ông Ph, Ông Ph là người xem thường phụ nữ. Nhận thấy dù vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là từ Ông Ph nhưng Bà H không đồng ý ly hôn vì Bà H còn quá yêu Ông Ph.

Về con chung: Bà H và Ông Ph không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 47/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Châu Đình Ph đối với bị đơn Bà Nguyễn Thị Kim H về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Đình Ph được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Kim H.

- Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, bị đơn Bà H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận, hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa Sơ thẩm xác định hôn nhân giữa Ông Ph và Bà H trầm trọng, thực tế đã ly thân từ tháng 5 năm 2022 và giải quyết cho Ông Ph được ly hôn với Bà H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của Bà H làm trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Ph và Bà H là vợ chồng, đăng ký kết hôn năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, Thành phố H. Hôn nhân của Ông Ph và Bà H là hợp pháp.

Ông Ph và Bà H đều thừa nhận cuộc sống hôn nhân có phát sinh mâu thuẫn; vợ chồng không còn sống chung từ tháng 5 năm 2022 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau thực hiện các công việc chung trong gia đình. Hội đồng xét xử nhận thấy mối quan hệ hôn nhân giữa Ông Ph và Bà H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; Ông Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với Bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 19, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông Ph và Bà H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Ph và Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Kháng cáo của Bà H là không có căn cứ.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Bà H phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ các Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 47/2023/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An. Cụ thể:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Châu Đình Ph đối với bị đơn Bà Nguyễn Thị Kim H về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Châu Đình Ph được ly hôn với Bà Nguyễn Thị Kim H.

- Về con chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Đình Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003778 ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0004588 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THẨM PHÁN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đoàn Hoài Trí	**Trần Văn Luông**
	Lưu Thị Mỹ Hương